

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân;

Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1988;

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1984;

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2021 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Chị và anh Đ chung sống năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không chăm lo cho gia đình, đi làm không đem tiền về nuôi con, anh Đ thường đi làm ăn xa mỗi lần về nhà là ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và

anh Đ ly thân khoảng 01 năm. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 03 con chung là Đỗ Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2008; Đỗ Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/10/2012 và Đỗ Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/01/2017. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Đỗ Văn Đ: Quá trình giải quyết vụ án anh Đ đã được Tòa án thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hằng N đối với anh Đỗ Văn Đ. về con chung: Giao ba con chung là Đỗ Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2008; Đỗ Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/10/2012 và Đỗ Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/01/2017 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; ghi nhận chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung; nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Đ là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thì thấy rằng qua xác minh thể hiện quá trình chung sống, chị N và anh Đ có cãi vã. Anh Đ thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng về thăm nhà, thời gian sau này anh Đ không về thăm nhà (bút

lục 25). Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị N và anh Đ bất đồng quan điểm, sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Đ là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh Đ có 03 con chung là Đỗ Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2008; Đỗ Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/10/2012 và Đỗ Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/01/2017. Chị N yêu cầu nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, Cháu Tiến Đ và cháu T đều có nguyện vọng sống với mẹ sau ly hôn, hiện chị N đang chăm sóc cháu Thành Đ, hiện cháu Thành Đ còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc chu đáo từ cha, mẹ nhưng anh Đ thường xuyên vắng nhà nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét thấy cần giao cháu Đỗ Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Nguyễn Anh T và Đỗ Nguyễn Thành Đ cho chị N trông nom chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con chung.

[5] Về nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn, anh Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chị N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hằng N đối với anh Đỗ Văn Đ.

Chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn với anh Đỗ Văn Đ.

2. Về con chung: Anh Đỗ Văn Đ có trách nhiệm giao 03 con chung gồm Đỗ Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2008; Đỗ Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/10/2012 và Đỗ Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Hằng N không yêu cầu anh Đỗ Văn Đ cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Hằng N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007188 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Hằng N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Phượng

